

Bản án số: 135/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 24-4-2026.

V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phước và bà Hồ Thị Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Thái, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 80/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026, về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08/4/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994; số định danh cá nhân 027194010028; địa chỉ: Số A, ngõ A phố Đ, phường V, thành phố Hà Nội; có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Kim N, sinh năm 1999; địa chỉ: Trại giam B – Bộ C, xã B, thành phố H; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 06 tháng 3 năm 2026 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Kim N có đăng ký kết hôn vào ngày 24/10/2024 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nhau. Hiện nay chị T và anh N đã sống ly thân do anh N hiện đang chấp hành án tại Trại giam B. Nay nguyên đơn không còn tình cảm vợ chồng với anh N do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Kim N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị T và anh N không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 02/4/2026, anh Nguyễn Kim N trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Cơ bản như chị T trình bày. Hiện nay anh N không còn tình cảm với chị T do mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Chị T yêu cầu ly hôn thì anh N đồng ý. Về con chung: Anh N trình bày vợ chồng không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Anh N không yêu cầu giải quyết. Anh N trình bày do hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam B nên thống nhất về thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Huế và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị giải quyết vắng mặt anh N trong suốt quá trình giải quyết của vụ án.

Do các đương sự đều yêu cầu không hòa giải và tiến hành đưa vụ án ra xét xử nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn cơ bản chấp hành pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về án phí đề nghị xử buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Kim N có tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 24/10/2024. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và anh N là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét về quá trình hôn nhân giữa nguyên đơn và anh N, Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình sống chung, giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nên giữa hai người không tôn trọng nhau, tính tình vợ chồng không hợp, không tìm được tiếng nói chung nên đã sống ly thân. Chị T ly hôn thì anh N cũng đồng ý. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của vợ chồng đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

[2.2] Về việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Kim N đều xác định vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Kim N.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Kim N không có con chung.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000641 ngày 09/3/2026 tại Thị hành án dân sự thành phố H. Chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 3 – Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Sang